

Số: 254/QĐ-ĐHFPT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định tài chính năm 2020
cho học sinh khối phổ thông thuộc hệ thống giáo dục FPT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Căn cứ vào Quyết định số 208/2006/QĐ-TTg ngày 8/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học FPT;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học FPT được ban hành theo Quyết định số 240/QĐ-ĐHFPT ngày 5/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Trường, Trường Đại học FPT;

Căn cứ Thông tư số 13/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Xét đề nghị của Trường ban Kế hoạch – Tài chính Trường đại học FPT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tài chính học sinh khối phổ thông thuộc hệ thống giáo dục FPT năm 2020.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định 303/QĐ-ĐHFPT ngày 07/3/2019, Quyết định Quyết định số 815/QĐ-ĐHFPT ngày 11/6/2019 và Quyết định số 1564A/QĐ-ĐHFPT ngày 02/12/2019. Quyết định này có hiệu lực đối với các học kỳ khai giảng kể từ ngày 01/8/2020 trở đi đối với các khoản học phí (mục 2 phụ lục) và từ ngày 20/3/2020 trở đi tính theo thời điểm phát sinh đối với các khoản phí khác trừ trường hợp có quy định khác trong mục ghi chú tại các phụ lục.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường phổ thông, Giám đốc các văn phòng vùng miền, Trường Ban Kế hoạch Tài chính, Kế toán trưởng các văn phòng vùng miền, các phòng ban và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (đề t/h);
- BDH (để biết);
- Phòng TS, CTSV, QLĐT, TV;
- Lưu: VT, KT.



QUY ĐỊNH TÀI CHÍNH NĂM 2020
CHO HỌC SINH KHỐI PHỔ THÔNG THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC FPT

*(Ban hành theo Quyết định số 254/QĐ-ĐHFPT ngày 10/3/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT)*

1. Phí dự tuyển, phí xét tuyển

1.1. Phí dự tuyển: Là khoản phí học sinh phải đóng khi nộp hồ sơ dự tuyển để tham dự bài kiểm tra năng lực tư duy đầu vào.

1.2. Phí xét tuyển: Là khoản phí xét duyệt hồ sơ đối với học sinh tuyển thẳng không tham dự bài kiểm tra năng lực tư duy đầu vào.

2. Phí ghi danh, phí nhập học, học phí, sách giáo khoa

2.1. Phí ghi danh (phí giữ chỗ):

- Là khoản phí học sinh đóng khi làm thủ tục giữ chỗ nhằm cam kết sẽ theo học ở trường, là tiêu chí ưu tiên để lựa chọn học sinh chính thức trong trường hợp số lượng học sinh trúng tuyển vào trường quá đông. Khoản phí này sẽ được trừ vào phí nhập học và học phí phải đóng khi học sinh nhập học chính thức. Phí ghi danh không được chuyển nhượng cho người khác.

2.2. Phí nhập học: Là khoản phí học sinh đóng khi làm thủ tục nhập học chính thức. Phí này đóng một lần duy nhất trong toàn bộ quá trình học.

2.3. Học phí:

- Học phí được quy định cho từng khối lớp của cấp học hoặc từng cấp học theo từng năm học. Học phí bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình học tập bắt buộc chính khoá theo yêu cầu của Sở giáo dục Đào tạo và các môn học ngoại khóa của Trường.

- Học phí không bao gồm phí quản lý bán trú, phí dịch vụ nội trú (tiền ở KTX và phí quản lý KTX), phí bảo hiểm y tế, đồng phục, võ phục Vovinam, trang phục Giáo dục Quốc phòng, sách giáo khoa, xe đưa đón cuối tuần... được quy định ở **mục 3_ các loại phí khác** và phí tham gia các câu lạc bộ ngoài giờ, các khóa học nâng cao (tự chọn theo nhu cầu học sinh) như luyện thi SAT, TOEFL, IELTS...

- Học phí được tính theo đơn vị học kỳ, từ thời điểm tập trung chuẩn bị khai giảng học kỳ đến khi làm lễ bế giảng học kỳ, bao gồm cả các ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ theo lịch của Nhà trường. Học phí không có giá trị quy đổi theo các đơn vị tháng, tuần, ngày học...

2.4. Sách giáo khoa, sách tham khảo

- Sách giáo khoa theo chương trình chuẩn được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hàng năm học sinh tự mua.

- Sách giáo khoa tham khảo, sách học ngoại khóa; Tài liệu hướng dẫn ôn luyện thi THPT quốc gia; Hồ sơ đăng ký dự tuyển; Phiếu dự xét tốt nghiệp; Tài liệu thông tin cần biết về kỳ thi THPT Quốc gia và tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm Nhà trường cung cấp cho học sinh với giá tương đương chi phí nhập.

2.5. Chính sách học bổng và ưu đãi học phí: Tuân thủ theo Quyết định về học bổng và ưu đãi học phí được các Trường phổ thông ban hành cho năm học 2020 – 2021.

2.6. Chính sách điều chỉnh học phí:

- Học phí có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) không quá 10% và được ban hành bằng phụ lục mới.

- Số lần (kỳ/năm) nộp học phí toàn khóa học không thay đổi.

3. Các loại phí khác

3.1. Phí phát triển trường: Là khoản phí học sinh đóng khi làm thủ tục nhập học chính thức và đóng mỗi năm một lần. Đây là khoản phí phục vụ cho việc xây dựng trường, đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

3.2. Phí quản lý bán trú/ nội trú: Học sinh ngoài giờ học chính thức được quản lý bán trú hoặc nội trú. Phí quản lý bán trú/ nội trú được nộp theo kỳ kèm với học phí.

3.3. Phí tiền ăn bán trú/ nội trú: Các trường phổ thông bán trú/ nội trú FPT có thể lựa chọn mô hình để học sinh chủ động ăn các bữa hoặc cung cấp suất ăn cho học sinh. Trường hợp lựa chọn mô hình cung cấp suất ăn cho học sinh cần tuân theo quy định sau: Các ngày học ở trường học sinh được phục vụ các suất ăn sáng, trưa và chiều, trong đó bữa sáng là tùy chọn, còn bữa trưa và chiều bắt buộc. Phụ huynh học sinh nộp trước tiền ăn cả kỳ và quyết toán số lượng bữa ăn thực tế vào cuối kỳ. Tiền ăn chỉ được trừ trong trường hợp có đơn xin nghỉ học của phụ huynh

(bằng đơn gửi trực tiếp hoặc email) và thời gian nghỉ học từ 2 ngày học liên tục trở lên. Tiền ăn được trừ bắt đầu từ ngày sau ngày nộp đơn xin nghỉ học 2 ngày. Học sinh thay đổi chế độ ăn sáng có thể báo ngay từ đầu kỳ cho cả kỳ hoặc báo trước trước ngày 25 tháng trước để cắt ăn sáng hoặc đăng ký ăn sáng của các tháng còn lại trong kỳ; Trường hợp học sinh đăng ký ăn sáng bổ sung, tiền ăn sáng sẽ được tính từ tháng đăng ký đến hết kỳ học; Trường hợp học sinh hủy ăn sáng sẽ được hoàn lại tiền vào đầu kỳ sau. Lưu ý không có chế độ đăng ký hoặc báo hủy ăn sáng theo ngày hoặc tuần.

3.4. Đồng phục, võ phục giáo dục thể chất: Phụ huynh học sinh chủ động trang bị đồng phục, võ phục nhằm đáp ứng yêu cầu chương trình học bắt buộc, chương trình học nâng cao và quy định về mặc đồng phục của Trường. Nhà trường có thể xem xét tìm nhà cung cấp giới thiệu cho phụ huynh lựa chọn hoặc mua hộ hoặc cung cấp cho học sinh tương đương giá đặt may.

3.5. Phí số liên lạc điện tử : Phụ huynh học sinh nộp phí liên lạc điện tử để nhận thông tin hàng ngày của học sinh về kết quả học tập, thời khoá biểu, bài tập về nhà, thông báo của nhà trường qua một trong các phương tiện tin nhắn điện thoại, email, website, mạng xã hội.

3.6. Phí làm bảng điểm học tập: Học sinh có nhu cầu làm bảng điểm xác nhận kết quả học tập theo nguyện vọng riêng của mình phải nộp phí theo quy định

3.7. Phí mua bảo hiểm y tế: Mức thu theo quy định của Nhà nước

3.8. Phí khám sức khoẻ: Phí khám sức khoẻ được thu vào đầu năm học.

3.9. Phí thẻ học sinh: Tùy từng cấp học Nhà trường có thể yêu cầu học sinh làm thẻ học sinh để phục vụ ra vào trường, mượn sách thư viện và điểm danh thi cử.

3.10. Phí phạt trả chậm sách:

- Học sinh trả chậm sách mượn thư viện phải nộp phí trả chậm tính từ ngày đáo hạn đến ngày thực tế trả sách (gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ). Học sinh trả chậm sách trên 30 ngày ngoài phí trả chậm sẽ phải nộp phạt bổ sung một khoản bằng giá bìa sách.

- Học sinh làm mất sách mượn thư viện hoặc làm rách, mất trang... phải bồi thường giá trị bằng giá trị ban đầu của cuốn sách đó, đồng thời phải nộp phí trả chậm (nếu có).

- Khoản phạt trả chậm sách tối đa bằng giá trị cuốn sách.

3.11. Phí học bù: Học sinh nghỉ học nhiều quá mức quy định phải tham gia học bù do nhà trường tổ chức. Thời gian học bù được bố trí vào cuối tuần. Học phí học bù được nộp cùng học phí kỳ tiếp theo.

3.12. Phí nhập học trở lại: Áp dụng đối với học sinh đã thôi học, có nhu cầu quay trở lại trường để tiếp tục học tập.

3.13. Phí bồi thường làm hư hỏng tài sản của trường: Học sinh làm hư hỏng tài sản của nhà trường dù vô tình hay cố ý sẽ phải bồi thường. Hình thức và mức độ bồi thường cụ thể sẽ do Ban Giám hiệu quyết định tùy theo tính chất vụ việc vi phạm.

3.14. Phí trang bị vật dụng cho giường ngủ ký túc xá: Để đảm bảo yếu tố thẩm mỹ tại ký túc xá, mỗi học sinh sẽ trang bị tối thiểu 01 bộ: đệm, vỏ ga giường, vỏ chăn, gối và vỏ gối theo chất liệu, mẫu mã và kích thước do nhà trường quy định. Khi rời khỏi trường học sinh có quyền nhận lại các vật dụng này.

3.15. Phí tiền ở KTX đối với học sinh nội trú: Học sinh ở tại KTX của trường phải nộp tiền ở. Tiền ở đã bao gồm chi phí điện, nước sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh khu vực chung. Phí tiền ở KTX nộp theo kỳ vào thời điểm đầu học kỳ cùng tiền học phí.

3.16. Phí xe đưa đón: Nhà trường cung cấp dịch vụ xe đưa đón hàng ngày hoặc cuối tuần đối với những gia đình có nhu cầu đăng ký. Chi phí căn cứ vào số lượng học sinh đăng ký và giá dịch vụ của nhà cung ứng theo nguyên tắc thu bù chi. Tiền xe được thu theo kỳ, và không được trừ những ngày không đi học, Nghi Lễ, Tết và các ngày nghỉ theo kế hoạch năm học của Nhà trường. Trường hợp những học sinh đăng ký bổ sung, tiền xe được tính từ tháng đăng ký đến hết kỳ học. Trường hợp huỷ đăng ký dịch vụ xe đưa đón phải báo trước từ đầu kỳ cho cả kỳ học hoặc báo trước ngày 25 tháng trước để được huỷ dịch vụ của các tháng sau.

3.17. Các câu lạc bộ, các khóa học phụ đạo, nâng cao ngoài giờ: Nhà trường tổ chức các CLB như võ, nhảy, múa, cờ, nghệ thuật tạo hình... và các khóa học phụ đạo như ôn tập tốt nghiệp, nâng cao Toán, Tiếng Anh... theo nguyện vọng của học sinh, mức thu phụ thuộc vào từng loại CLB, học sinh đăng ký học và nộp tiền theo khoá học.

4. Chính sách hoàn trả học phí và các khoản phí khác

a. Phí dự tuyển, phí nhập học, phí ghi danh:

- Phí dự tuyển, phí nhập học không được hoàn trả trong bất kỳ trường hợp nào.
- Phí ghi danh chỉ được hoàn trả trong trường hợp:
 - Học sinh không đạt yêu cầu đầu vào quy định trong quy chế tuyển sinh 2020-2021 của Trường
 - Nhà trường không tổ chức được lớp cho học sinh.

b. Phí phát triển trường: không được hoàn trả trong bất kỳ trường hợp nào.

c. Học phí:

- Học sinh thôi học trước ngày học kỳ mới bắt đầu (kỳ học đầu tiên tính theo ngày nhập trường) sẽ được trả lại 80% học phí thực nộp.
- Học sinh thôi học trong vòng 2 tuần kể từ ngày học kỳ mới bắt đầu sẽ được hoàn trả 50% học phí thực nộp.
- Học sinh thôi học sau 2 tuần kể ngày học kỳ mới bắt đầu sẽ không được hoàn trả học phí
- Học sinh không được hoàn trả học phí đối với các buổi nghỉ học kể cả trong trường hợp tự ý nghỉ hoặc nghỉ theo lịch của Nhà trường.

d. Các khoản phí khác

Các khoản phí khác ngoài học phí được hoàn trả theo nguyên tắc như sau:

- Phí quản lý bán trú/ nội trú: Hoàn trả theo số tháng chưa sử dụng, bắt đầu tính từ tháng sau tháng học sinh thôi học.
- Phí ăn bán trú/ nội trú: Hoàn trả theo số bữa chưa sử dụng được báo hủy đúng quy định gồm và các ngày nghỉ tết âm lịch, nghỉ hè nếu đã tạm thu trước đó
- Phí xe đưa đón và phí ăn sáng: Hoàn trả số tháng chưa sử dụng được báo hủy đúng quy định và của các ngày nghỉ tết âm lịch, nghỉ hè nếu đã tạm thu trước đó.
- Phí đồng phục: Hoàn trả tiền nếu trường chưa đặt may đồng phục.
- Câu lạc bộ, các khóa học nâng cao ngoài giờ: Hoàn trả trong trường hợp khoá học chưa bắt đầu. Không hoàn trả nếu học sinh bỏ học dở chừng.
- Phí Sổ liên lạc điện tử: Không hoàn trả
- Các khoản phí khác ngoài các khoản trên sẽ không được hoàn trả lại.

5. Quy định về thời hạn nộp học phí và các khoản phí

- Học sinh có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ học phí và các khoản phí khác nộp theo kỳ ít nhất 1 tuần trước khi kỳ học chính thức bắt đầu.
- Với các khoản phí khác phát sinh trong quá trình học tập, học sinh sẽ nộp ngay khi có phát sinh.

- Các trường hợp không hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng hạn và không có đơn hoãn, miễn giảm được Ban Giám hiệu chấp thuận được xem như thôi học tự nguyện.

- Học sinh nhập học muộn so với quy định tuyển sinh của Trường trừ tiền ăn và tiền xe đưa đón sẽ tính toán mức nộp cụ thể kể từ thời điểm nhập học có trách nhiệm nộp đầy đủ các khoản học phí và phí khác giống như các học sinh nhập học đúng quy định.

6. Quy định về thanh toán và chứng từ thanh toán

- Tất cả các khoản thu từ học sinh đều được nhà trường cung cấp hóa đơn hoặc phiếu thu, trừ các khoản học sinh thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp.

- Học phí và các khoản phí cụ thể được nêu chi tiết ở các phụ lục kèm theo quy định này.

7. Điều khoản thi hành

- Quy định này được áp dụng cho học sinh các trường phổ thông FPT năm học 2020 – 2021.

- Trong trường hợp học sinh vi phạm quy định tài chính, Nhà trường có quyền xem xét kỷ luật từ mức phê bình đến cảnh cáo và buộc thôi học.

- Phòng kế toán văn phòng vùng miền có trách nhiệm phổ biến và hướng dẫn thực hiện. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc trình Hiệu trưởng ban hành văn bản điều chỉnh thay thế.

PHỤ LỤC 1
BẢNG HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ
HỌC SINH TRƯỜNG TH&THCS FPT CẦU GIẤY
(Ban hành theo Quyết định số 254/QĐ-ĐHFPT ngày 10/3/2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT)

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Phí dự tuyển, phí xét tuyển			
1.1	Phí dự tuyển	1 HS/1 lần	200,000	
1.1.2	Phí xét tuyển	1 HS/1 lần	n/a	
2	Phí ghi danh, phí nhập học, học phí, sách giáo khoa			
2.1	<i>Phí ghi danh (phí giữ chỗ)</i>	1 HS/1 lần	2,000,000	
2.2	<i>Phí nhập học</i>	1 HS/1 lần	2,000,000	Nộp 1 lần khi nhập học, cùng học phí
2.3	<i>Học phí</i>			1. Học phí có thể được điều chỉnh hàng năm không quá 10%; Số lần (kỳ/năm) nộp học phí toàn khóa học không thay đổi 2. Mỗi năm học có 2 học kỳ 3. Học sinh nhập học muộn vẫn phải nộp đủ học phí cả kỳ
2.3.1	Học phí khối tiểu học			Áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2020-2021
2.3.1.1	<i>Học sinh nhập học năm học 2017</i>	1 HS/1 kỳ	19,000,000	
2.3.1.2	<i>Học sinh nhập học năm học 2018</i>	1 HS/1 kỳ	20,500,000	
2.3.1.3	<i>Học sinh nhập học năm học 2019 và 2020</i>	1 HS/1 kỳ	22,500,000	
2.3.2	Học phí khối trung học cơ sở			Áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2020-2021
2.3.2.1	<i>Học sinh nhập học năm học 2018</i>	1 HS/1 kỳ	24,000,000	
2.3.2.2	<i>Học sinh nhập học năm học 2019 và 2020</i>	1 HS/1 kỳ	25,000,000	
2.3.3	Phí hoạt động ngoại khóa	1 HS/1 kỳ	500,000	Nộp cùng học phí hàng kỳ
2.4	<i>Sách giáo khoa, sách tham khảo</i>			
2.4.1	Sách giáo khoa theo chương trình chuẩn	1 HS/1 bộ/1 năm học	HS tự mua	Nhà trường sẽ gửi danh sách các loại sách cần mua
2.4.2	Sách học theo chương trình riêng của FPT			1. Gồm Sách Tiếng Anh, Tin học, tài liệu hỗ trợ do FPTSchool biên soạn) 2. Đây là giá dự kiến. Giá chính thức sẽ tính theo giá bìa hoặc tương đương sẽ được cập nhật sau 3. Trường hợp thu theo giá dự kiến, số tiền thừa/thiếu sẽ bù trừ cùng học phí phải nộp của kỳ tiếp theo
2.4.2.1	Khối Tiểu học	1 HS/1 bộ/1 năm học	800,000	
2.4.2.2	Khối THCS	1 HS/1 bộ/1 năm học	1,200,000	
3	Các loại phí khác			
3.1	<i>Phí phát triển trường</i>	1 HS/ 1 năm học	4,000,000	1. Học sinh nhập học từ kỳ 2 chỉ nộp 50% mức phí này
3.2	<i>Phí quản lý bán trú/ nội trú</i>	1 HS/1 kỳ	2,900,000	
3.3	<i>Phí tiền ăn bán trú/ nội trú</i>	1 HS/1 kỳ	6,600,000	1. Nộp cùng học phí hàng kỳ. 2. Tiểu học: Định mức 60.000/ ngày (Bữa sáng: 20.000; Bữa trưa: 30.000, Bữa chiều: 10.000) 2. THCS: Định mức 60.000/ngày (Bữa sáng: 20.000; Bữa trưa: 40.000)
3.4	<i>Phí đồng phục, vở phục</i>			1.Nộp cùng học phí học kỳ 1 của năm học 2. Set đồng phục bắt buộc mua đối với học sinh mới nhập học

3.4.1	Phí đồng phục, vở phục khối tiểu học	1 set/1 HS/ 1 năm	1,500,000	Từ năm học sau hs có thể đăng ký chỉ mua thay thế những quần áo cũ, rách, mất. Set (có thể mua lẻ) gồm : Áo Polo cộc tay 120K; Áo Polo dài tay 150K; Quần Sooc nam/Chân váy nữ 180K; Áo khoác 300K; Vớ phục 220k; Túi ngủ 330K, Bộ thể thao 200k
3.4.2	Phí đồng phục, vở phục khối trung học cơ sở	1 set/1 HS/ 1 năm	1,600,000	Từ năm học sau hs có thể đăng ký chỉ mua thay thế những quần áo cũ, rách, mất. Set (có thể mua lẻ) gồm : Áo Polo cộc tay 140K; Áo Polo dài tay 170K; Quần Sooc nam/Chân váy nữ 200K; Áo khoác 340K; Vớ phục 220k; Túi ngủ 330K, Bộ thể thao 200k
3.5	Phí số liên lạc điện tử, tài nguyên học tập Online	1 HS/ 1 kỳ	200,000	Học sinh đăng ký theo nguyện vọng, không bắt buộc. Áp dụng từ HK2 năm học 2019-2020
3.6	Phí làm bảng điểm học tập		n/a	
3.7	Phí mua bảo hiểm y tế	1 HS/ 1 năm	Theo quy định NN	Học sinh nộp 1 lần vào đầu năm học
3.8	Phí khám sức khỏe		n/a	
3.9	Phí làm lại thẻ học sinh, thư viện		n/a	
3.10	Phí phạt trả chậm sách		n/a	
3.11	Phí học bù		n/a	
3.12	Phí nhập học trở lại	1 lần/ 1 HS	1,000,000	
3.12	Phí bồi thường làm hư hỏng tài sản của trường	1 tài sản	giá trị tài sản	
3.14	Phí trang bị cho giường ngủ KTX		n/a	
3.15	Phí tiền ở KTX (đã bao gồm điện, nước sinh hoạt)		n/a	
3.16	Phí xe đưa đón học sinh			Nộp cùng học phí hàng kỳ
3.16.1	Xe ô tô đón tại điểm bán kính < 6 km	1 HS/ 1 kỳ	6,500,000	
3.16.2	Xe ô tô đón tại điểm bán kính > 6 km	1 HS/ 1 kỳ	7,500,000	
3.16.3	Xe ô tô đón tại nhà bán kính < 6 km	1 HS/ 1 kỳ	9,000,000	
3.16.4	Xe ô tô đón tại nhà bán kính > 6 km	1 HS/ 1 kỳ	10,000,000	
3.16.5	Học sinh chỉ đi 1 chiều	1 HS/ 1 kỳ	60% chi phí ở trên	
3.17	Phí tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, lớp học nâng cao			
3.17.1	Các CLB ngoài giờ			1. Danh mục sẽ được cập nhật vào T8/2020 2. Học phí đóng theo khóa, không hoàn trả, thời hạn nộp tối thiểu 3 ngày trước buổi học đầu tiên 3. Học sinh được phép đổi CLB trước ngày khai giảng
3.17.1.1	CLB Bóng đá TV; Bóng rổ TV; Câu lạc bộ tăng cường Tiếng Anh THCS; Cầu lông; Cờ vua; Múa; Thanh nhạc; Vovinam	1 HS/ 1 khóa	1,500,000	
3.17.1.2	CLB KET Cambrigde; CLB Mover Cambrigde; CLB Starter Cambrigde; Mỹ thuật	1 HS/ 1 khóa	1,600,000	
3.17.1.3	CLB Điện tử tự động; CLB Stem	1 HS/ 1 khóa	2,000,000	
3.17.1.4	CLB Bóng đá TA; Bóng rổ TA; Câu lạc bộ tăng cường Tiếng Anh giao tiếp; Con an toàn, con hiểu biết; Kỹ năng sống công dân toàn cầu	1 HS/ 1 khóa	2,250,000	
3.17.1.5	CLB Coding MineCraft; Code Monkey; Roborobo Kit; Robot UARO ; Scratch Junior	1 HS/ 1 khóa	2,500,000	
3.17.2	CLB hè tháng 6, tháng 7	khóa học 3 tuần	5,000,000	Học phí đã bao gồm toàn bộ học phẩm cần thiết trong khoá học và chi phí ngoại khoá/dã ngoại (1 lần/khoá); chưa gồm tiền ăn và xe tuyến
3.17.3	CLB hè dự án chuyên đề	Khoá học 1 tuần	2,000,000	Học phí đã bao gồm học phẩm, học liệu của dự án, không bao gồm các bộ robotics; chưa gồm tiền ăn và xe tuyến
3.17.4	Khoá học tiền tiểu học K+	Khóa học 3 tháng	16,500,000	Học phí đã bao gồm học phẩm, học liệu của dự án, không bao gồm các bộ robotics; chưa gồm tiền ăn và xe tuyến
3.17.5	Khoá học tiền tiểu học K++	Khóa học 5 tháng	27,500,000	Học phí đã bao gồm học phẩm, học liệu của dự án, không bao gồm các bộ robotics; chưa gồm tiền ăn và xe tuyến